ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT NĂM 2013 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số: 52 /2012/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

I. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ:

Đơn vị tính: nghìn đồng/m2.

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
I	**THỊ TRẤN THẠNH MỸ**	
I.1	**Đất có mặt tiền giáp với quốc lộ 27**	
1	-Từ giáp ranh giới hành chính xã Lạc Lâm đến hết dốc Bà Ký (cống Q.lộ 27)	396
2	-Từ hết dốc Bà Ký (cống Qlộ 27) đến Km 184 + 500	1.320
3	-Từ Km 184 + 500 đến giáp đường Nguyễn Du	1.575
4	-Từ đường Nguyễn Du đến hết đất trụ sở UBND thị trấn Thạnh Mỹ	2.060
5	-Từ hết đất trụ sở UBND thị trấn Thạnh Mỹ đến hết cống 5	1.824
6	-Từ hết cống 5 đến ngã 3 xây dựng (Đường Lý Tự Trọng)	1.485
7	-Từ ngã 3 xây dựng (Đường Lý Tự Trọng) đến đầu Km 181 + 500	1.207
8	-Từ đầu Km 181 + 500 đến giáp ranh giới hành chính xã Đạ Ròn	693
I.2	**Đường nhánh trong Thị trấn Thạnh mỹ**	
1	-Đường Lê Thị Pha (Từ giáp Qlộ 27 đến hết thửa đất số 16 TBĐ 14 đất ông Xuân)	285
2	-Đường Lý Tự Trọng:	
	+Từ giáp QL27 đến hết đất Trường Dân tộc nội trú huyện	440
	+Từ hết đất Trường Dân tộc nội trú huyện đến giáp đường Nguyễn Chí Thanh	280
3	-Đường Nguyễn Thị Minh Khai (từ giáp QL27 vào đến Kênh thuỷ lợi)	380
4	-Đường Trần Bình Trọng	360
5	-Đường Nguyễn Chí Thanh:	
	+Từ giáp QL27 đến giáp đường Lý Tự Trọng	400
	+Từ giáp đường Lý Tự Trọng đến hết đất nhà ông Nguyễn Minh Ngôn	292
	+Từ hết đất nhà ông Nguyễn Minh Ngôn đến giáp đường Phạm Ngọc Thạch	275
6	-Đường Phan Chu Trinh (từ giáp QL27 vào đến 140m)	360
7	-Đường Phan Bội Châu: Từ giáp QL27 đến giáp đường Lê Thị Hồng Gấm	380
8	-Đường Võ Thị Sáu (Từ giáp QL27 đến giáp đường Lê Thị Hồng Gấm)	605

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
9	-Đường phía tây trụ sở UBND Thị trấn Thạnh Mỹ	470
10	-Đường Nguyễn Văn Trỗi:	
	+Từ giáp QL27 đến giáp đường Lương Thế Vinh	736
	+ Từ giáp Đường Lương Thế Vinh đến giáp kênh thuỷ lợi	412
11	-Đường Lê Thị Hồng Gấm (Từ giáp đường Nguyễn Văn Trỗi đến giáp đường Võ Thị Sáu)	380
12	-Đường Phạm Ngọc Thạch:	
	+Từ giáp QL27 đến hết đất Trung tâm y tế huyện	915
	+Từ hết đất Trung tâm y tế huyện đến giáp Kênh thuỷ lợi	637
	+Từ kênh thuỷ lợi đến giáp đường Nguyễn Chí Thanh	516
	+Từ giáp đường Nguyễn Chí Thanh đến cầu ông Thiều	333
13	-Đường Chu Văn An (Từ giáp đường Âu Cơ đến chợ Thạnh Mỹ)	623
14	-Đường Đoàn Thị Điểm, Nguyễn Đình Chiểu	454
15	- Đường Nguyễn Viết Xuân	390
16	-Đường Trần Hưng Đạo	
	- Từ giáp ngã ba đường Phạm Ngọc Thạch đến giáp đường Âu Cơ	602
	- Từ giáp đường Âu Cơ đến giáp đường Lạc Long Quân	432
17	-Đường Âu Cơ:	
	+Từ giáp QL27 đến giáp đường Chu Văn An	690
	+Từ giáp đường Chu Văn An đến giáp đường Trần Hưng Đạo	588
	+Từ giáp đường Trần Hưng Đạo đến giáp đường Nguyễn Văn Linh	320
18	-Đường Lê Văn Tám:	
	+ Từ giáp QL27 đến giáp đường Lương Thế Vinh	877
	+ Từ giáp Đường Lương Thế Vinh đến hết đường Lê Văn Tám	385
19	-Đường Lương Thế Vinh	537
20	-Đường Lạc Long Quân:	
	+Từ giáp QL27 đến giáp đường Trần Hưng Đạo	650
	+Từ giáp đường Trần Hưng Đạo đến giáp đường Âu Cơ	320
21	-Đường Huỳnh Thúc Kháng (Từ giáp Qlộ 27 đến hết đọan đã trãi nhựa)	567
22	-Đường Nguyễn Văn Linh:	
	+Từ giáp QL27 đến giáp Thế Lữ	680
	+ Từ giáp Thế Lữ đến giáp Đường Âu Cơ	621
	+Từ giáp đường Âu Cơ đến kênh thuỷ lợi	432
	+Từ kênh thuỷ lợi đến giáp đường Phan Đình Giót	285
23	-Đường Thế Lữ	402
24	-Đường Trần Phú	
	+ Từ giáp QL27 đến cổng Công an huyện	687
	+ Từ giáp cổng Công an huyện đến giáp suối	330

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
25	-Đường Bà Huyện Thanh Quan	687
26	-Đường Hoàng Diệu	687
27	-Đường Quang Trung	
	+Từ giáp đường Nguyễn Thái Bình đến hết đoạn đường nhựa	420
	+Từ hết đoạn đường nhựa đến giáp đất trường bắn	253
28	-Đường Nguyễn Thái Bình	585
29	-Đường Xuân Diệu (Từ giáp QL27 đến giáp đất nhà Ông Nguyễn Liêm)	687
30	-Đường Nguyễn Du (Từ giáp Qlộ 27 đến giáp ngã tư Nhà thờ Tin lành)	660
31	-Đường Nguyễn Văn Cừ (từ giáp Qlộ 27 đến giáp đường Nguyễn Thái Bình)	585
32	-Đường Phan Đình Phùng:	
	+ Từ giáp QL27 đến giáp đất Nhà máy ươm tơ cũ	396
	+ Đoạn còn lại của Đường Phan Đình Phùng	280
33	-Đường từ tiếp giáp QL 27 đến hết khu hành chính Xí nghiệp Vạn Đức	397
34	-Đường Đinh Tiên Hoàng:	
	+Từ giáp QL27 đến giáp ngã ba đường đi trường bắn	540
	+Từ giáp ngã ba đường đi trường bắn đến hết đất Công ty Địa Ốc	290
35	-Khu vực chợ Thạnh Mỹ (có một mặt tiếp giáp với chợ)	529
36	-Các đường qui hoạch phía Tây Nam chợ Thạnh Mỹ	397
37	-Các đường qui hoạch mặt đường rộng 5m trở lên (Theo các bản đồ QH chi tiết)	331
38	-Các đường qui hoạch mặt đường rộng từ 3m đến 5m (Theo các bản đồ QH chi tiết)	265
39	- Đường Phan Đình Giót	275
40	- Đoạn từ giáp QL 27 đến cầu Quảng Lập	780
I.3	**Các đoạn đường hẻm**	
1	- Hẻm 24 (Từ giáp QL 27 vào 150m)	330
2	- Hẻm 86 (Từ giáp QL 27 đến giáp suối)	253
3	- Hẻm 194 (Từ giáp QL 27 đến giáp đất nhà dòng Phan xinh)	484
4	- Hẻm 205 (Khu quy hoạch thương nghiệp cũ)	544
5	- Hẻm 371 (Từ giáp QL 27 vào 200m)	338
6	- Hẻm 447 (Từ giáp QL 27 vào 200m)	363
7	- Hẻm 387 (Từ giáp QL 27 vào 150m)	350
8	- Từ ngã ba số nhà 10 (đường Nguyễn Chí Thanh) đến giáp ngã ba đường Lý Tự Trọng (Trường Tiểu Học Nghĩa Lập 1)	275
9	- Từ ngã ba số nhà 16 (đường Nguyễn Chí Thanh) đến giáp ngã ba đường Lý Tự Trọng (Trung Tâm dạy nghề)	242
10	- Từ giáp ngã ba đường Xuân Diệu (nhà ông Phạm Tấn Đức) đến giáp ngã ba đường Nguyễn Du	275

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
I.5	**Đất tại các khu vực không thuộc điểm I.1, I.2, I.3 Mục I Phần A**	220
II	**THỊ TRẤN D'RAN**	
II.1	**Đất có mặt tiền giáp với quốc lộ 27**	
1	-Từ giáp ranh giới hành chính xã Lạc Xuân đến giáp ngã ba đường vào thôn Lạc Quảng	670
2	-Từ ngã ba đường vào thôn Lạc Quảng đến giáp ngã ba đường rẽ vào xóm Láng	761
3	-Từ ngã ba đường rẽ vào xóm Láng đến ngã 3 bùng binh thị trấn D'ran (hết thửa 960 tờ bản đồ 50)	1.219
4	-Từ ngã 3 bùng binh Thị trấn D'ran (hết thửa 960 tờ bản đồ 50) đến đầu cầu D'ran	1.524
5	-Từ cầu D'ran đến đầu ngã 3 đường huyện lộ 412	1.400
6	-Từ đầu ngã 3 đường huyện lộ 412 đến hết đất Văn phòng nhà máy thủy điện Đa Nhim-Hàm Thuận - Đa Mi	693
7	-Từ hết đất Văn phòng nhà máy thủy điện Đa Nhim-Hàm Thuận - Đa My đến đầu cống bể	440
8	- Từ đầu cống bể đến hết đất Trạm kiểm soát Eo Gió	336
9	-Từ hết đất trạm kiểm soát Eo Gió đến giáp ranh giới hành chính tỉnh Ninh Thuận	247
II.2	**Đất có một mặt tiền giáp với Quốc lộ 20**	
1	-Từ giáp ngã 3 bùng binh QL 27 đi QL 20 đến giáp ngã ba nhà Ông Thanh	460
2	-Từ ngã ba nhà ông Thanh đến giáp ranh giới hành chính Xã Trạm Hành - TP Đà Lạt	300
II.3	**Đường nhánh trong Thị trấn D'ran**	
1	- Từ giáp ngã ba Qlộ 20 đến giáp đường Nguyễn Trãi (Khu phố III)	400
2	- Đường Ngô Quyền (Từ giáp QLộ 27 đến giáp đất Phòng khám đa khoa khu vực Dran)	1.342
3	- Đường Bà Triệu	
	+ Từ giáp QL 27 đến cống Quảng Lạc	1.210
	+ Từ cống Quảng Lạc đến giáp hành lang bảo vệ đập Đa Nhim	462
4	- Đường Hai Bà Trưng (Từ giáp Qlộ 27 đến giáp ngã tư ông Hậu)	1.122
5	- Đường Nguyễn Trãi	
	+ Từ giáp QL 27 đến ngã tư ông Hậu	1.276
	+ Từ ngã tư ông Hậu đến đầu cầu khóm 3	698
6	- Đường Chu Văn An (Từ cầu khóm 3 đến hành lang bảo vệ đập ĐaNhim)	415
7	- Đường Lê Văn Sỹ	529
8	- Khu chợ và Khu xung quanh chợ (có một mặt tiếp giáp với chợ)	1.400
9	-Đường Trần Quốc Toản	

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
	+ Từ ngã 4 ông hậu đến giáp đường Ngô Quyền	800
	+ Từ đường Ngô Quyền đến giáp đường Bà Triệu	957
10	- Đường Lê Văn Tám	760
11	- Từ giáp QL 27 đến giáp ngã ba nhà ông Nguyễn Ngọc Châu (Lạc Quảng)	435
12	- Từ giáp QL 27 đến hành lang bảo vệ đập Đa Nhim (thôn Lâm Tuyền)	434
13	- Từ giáp QL 27 (đất Văn phòng nhà máy thủy điện Đa Nhim-HT-ĐM) đến hết đất công ty Truyền tải điện 4	418
14	- Từ giáp ngã ba đường 412 đến hết đất nhà ông Nguyễn Thuận (Thôn Hòa Bình)	345
15	- Từ giáp QL 27 đến giáp ngã ba đất nhà ông Nhàn (Đường Nguyễn Trung Trực)	300
16	- Từ ngã ba đất nhà ông Nhàn đến giáp đường Hỏa Xa	250
17	- Đường PhạmThế Hiển (Từ giáp ngã ba đường Nguyễn Trãi đế giáp ngã ba đường Nguyễn Trãi cầu Khóm III)	400
18	- Đường Nguyễn Văn Trỗi (Từ giáp QLộ 27 đến giáp đường Trần Quốc Toản)	600
19	- Nguyễn Thái Bình (Từ giáp QLộ 27 đến giáp đường Trần Quốc Toản)	600
20	- Từ giáp Qlộ 27 đến giáp đường 412 (Khu phố Đường mới)	350
21	- Từ giáp Qlộ 27 Đến hết đất ông Ngọc (Khu phố I)	600
22	- Từ giáp Qlộ 27 đến giáp đất Quỹ Tín dụng Xuân Trường (kho Hồng Sương cũ)	800
23	- Từ giáp Qlộ 27 (Nhà ông Lê Thuộc) đến hành lang bảo vệ đập Đa Nhim (thôn Lâm Tuyền)	250
24	-Từ giáp đường Ngô Quyền đến giáp đường Nguyễn Văn Trỗi	600
25	-Từ giáp đường Bà Triệu đến giáp trạm Y Tế D'ran	350
II.4	**Đất có một mặt tiếp giáp với đường 412**	
1	-Từ giáp ngã 3 QL 27 đến đầu cầu Lam Phương	583
2	-Từ cầu Lam Phương đến giáp ranh hành chính xã Lạc Xuân	372
II.6	**Đất ở tại các Thôn HaMaSin, Thôn KănKin**	148
II.7	**Đất tại các khu vực không thuộc điểm II.1, II.2, II.3, II.4, II.5 Mục II, II.6 (Thị trấn D'Dan trên đây)**	195

II. ĐẤT DÂN CƯ NÔNG THÔN

Đơn vị tính: nghìn đồng/m2.

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
I	KHU VỰC I	
I.1	XÃ ĐẠ RÒN	

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
I.1.1	**Đất có một mặt tiếp giáp với Quốc lộ 27**	
1	-Từ giáp ranh giới hành chính TT Thạnh Mỹ đến đầu cống thuỷ lợi ngang qua Quốc lộ 27	420
2	-Từ cống thuỷ lợi ngang qua QL 27 đến giáp cống giữa 2 thôn Suối Thông B và Suối Thông A	570
3	-Từ cống giữa 2 thôn STB và STA đến đầu ngã 3 vào Trường tiểu học Đạ Ròn	528
4	-Từ ngã 3 vào Trường tiểu học Đạ Ròn đến đầu ngã 3 đường vào Thôn I	583
5	-Từ ngã 3 đường vào Thôn I đến cầu Bắc Hội (Ranh giới hành chính H.Đức Trọng)	543
I.1.2	**Đường Liên Thôn, Liên xã**	
1	-Từ giáp ngã 3 QL 27 (Nhà ông Chín Ống) đến giáp ngã 4 đất nhà ông Đỗ Mười	240
2	-Từ giáp ngã 3 Suối Thông B QL 27 đến giáp ngã 4 (hết đất đất Dòng nữ tu ĐaMinh)	269
3	- Từ giáp ngã 4 (hết đất đất Dòng nữ tu ĐaMinh) đến giáp ngã ba đất nhà Ông Nhựt	245
4	-Từ giáp ngã 3 QL 27 (đất nhà ông Nguyễn Công Đài Nguyên)) đến giáp ngã 3 (hết đất nhà bà Nguyễn Thị Bốn)	240
5	- Các đường nhánh nối với đoạn đường (Từ giáp ngã 3 Suối Thông B QL 27 đến giáp ngã 4 hết đất đất Dòng nữ tu ĐaMinh) vào sâu 100m	220
6	-Từ giáp ngã 3 QL 27 (Cổng thôn văn hoá STA 2) đến giáp ngã 3 đất nhà ông HaAi (T 146 tờ 24)	220
7	-Từ giáp ngã 3 QL 27 (Nhà đất Phượng Kỳ) đến giáp ngã 4 (Đất nhà KaNé hết thửa 61 tờ 24)	210
8	-Từ giáp ngã 3 QL 27 (Quán Café Uyên thửa 157 tờ 27) đến giáp ngã 4 (Đất ông HaJong hết thửa 169 tờ 27)	220
9	-Từ giáp ngã 3 QL 27 (Cổng thôn văn hoá STA 1) đến giáp ngã 4 (Đất nhà ông Ha Chai hết thửa 125 tờ 27)	220
10	-Từ giáp ngã 3 QL 27 (Nhà đất ông Vương Đại Tẩu) đến giáp đất Trường Tiểu Học Đạròn	220
11	-Từ giáp ngã 3 QL 27 (Nhà đất ông Quốc) đến giáp ngã 3 đường giữa hai thôn (Thôn Ròn và thôn STA1)	210
12	-Từ giáp ngã 3 QL 27 đến giáp cổng gác hồ Đạ Ròn	215
13	- Các đường nhánh nối với đoạn đường (Từ đường giữa hai thôn Ròn và thôn STA 1) đến đoạn đường (Từ ngã 3 QL27 đến nhà ông HaAi)	200
14	-Từ giáp ngã 3 QL 27 (Nhà đất ông Cương) đến giáp ngã 4 (hết đất Trường Trung học cơ sở Đạ Ròn)	220

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
15	- Từ giáp ngã 3 Quốc lộ 27 (Nhà đất ông Biểu) đến hết đất khu tái định cư sân goll	240
16	- Từ hết đất khu tái định cư sân gol đến giáp ngã 3 (hết đất khu tái định cư thôn Ròn)	230
17	-Từ giáp ngã 3 QL 27 (Cổng thôn văn hoá thôn 1) đến hết đấ` nhà bà Loan Xoan	240
18	-Từ giáp ngã 3 QL 27 (ngã 3 Nông trường) đến giáp đường nhựa 413b	260
19	-Từ giáp ngã 3 QL 27 đến giáp ngã 4 (hết đất bà Vương Thị Ngọ, đường dự án cạnh tranh Nông nghiệp	260
20	- Từ giáp ngã quốc lộ 27 (Cầu Bắc hội) đến giáp ngã ba (nhà đất ông Tiến)	250
21	- Từ giáp ngã 3 (nhà ông Tiến Tuất) đến giáp ngã 3 (hết đất nhà ông Kiếm Vui)	240
22	- Từ giáp ngã 3 (nhà ông Chánh) đến hết đất nhà bà Yến	220
23	- Từ giáp ngã ba giáp đất Công ty Thụy Hồng Quốc tế thuê đến cầu nông trường (đường nhựa 413b)	364
I.2	**XÃ LẠC LÂM**	
I.2.1	**Đất có mặt tiếp giáp với Quốc lộ 27**	
1	-Từ giáp ranh giới hành chính TT Thạnh Mỹ đến giáp đất Công ty DVNN Lâm Đồng cũ	611
2	-Từ đất công ty DVNN Lâm Đồng cũ đến đầu cầu Lạc Sơn	880
3	-Từ cầu Lạc sơn đến giáp đầu cống công trình nước sạch (cống máng cũ)	1.219
4	-Từ giáp đầu cống công trình nước sạch (cống máng cũ) đến giáp ngã ba cây xăng Hùng Hoa	1.524
5	-Từ ngã ba cây xăng Hùng Hoa đến giáp ranh giới hành chính xã Lạc Xuân	1.067
I.2.2	**Các đường nối với Quốc lộ 27**	
1	-Từ giáp ngã 3 QL 27 (Km 187) đến cầu Ka Đô	701
2	- Từ giáp QL 27 đến giáp ngã ba đất nhà thờ Lạc Sơn	420
3	- Từ giáp ngã ba đất nhà thờ Lạc Sơn đến hết đất nhà bà Tô Phượng Thắm	247
4	-Từ giáp QL 27 tới ngã ba hội trường thôn M'Răng	414
5	- Từ giáp QL 27 đến hết đất nhà bà Võ Thị Tâm (Thôn Lạc Lâm Làng)	345
6	- Từ giáp QL 27 đến ngã ba nhà Ông Nguyễn Luyến (Thôn Lạc Lâm Làng)	433
7	- Từ ngã ba nhà ông Nguyễn Luyến đến ngã ba nhà ông Trọng (Thôn Lạc Lâm Làng)	320
8	- Từ ngã ba nhà ông Nguyễn Luyến đến giáp ngã tư nhà ông Hồ Xuân Khắc	348
9	-Từ giáp QL 27 đến giáp đất bà Chánh (Thôn Yên Khê Hạ)	467
10	- Từ đất nhà bà Chánh đến giáp ngã tư cống vuông	360
11	-Từ giáp QL 27 (Ngã ba nhà Ông Bính) đến đầu Cống Ông Xừ (Thôn Quỳnh Châu Đông)	500

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
12	-Từ cống Ông Xừ đến hết đất ông Trần Hạnh (Thôn Lạc Thạnh)	397
13	- Các đường nhánh phía bắc nối với QL 27 đến giáp đường dân cư số 10 (thuộc khu vực từ UBND xã đến giáp Trường Trung học cơ sở Lạc Lâm)	591
14	- Đường dân cư số 10 từ UBND xã đến Trường Trung học cơ sở Lạc Lâm	437
15	- Các đường nhánh dẫy phía bắc tiếp giáp với đường dân cư số 10	360
16	- Các đường nhánh Phía nam còn lại nối với QL27 vào đến 200m có bề rộng từ 3m trở lên (thuộc khu vực từ cống máng đến giáp ranh giới hành chính Xã Lạc Xuân)	475
17	- Từ ngã ba nhà ông Hồ Xuân Khắc đến giáp ngã ba nhà bà Bính Mỹ (thửa số 15 TBĐ số 4)	300
I,3	**XÃ LẠC XUÂN**	
I.3.1	**Đất ở có mặt tiền tiếp giáp với Quốc lộ 27**	
1	-Từ giáp ranh giới hành chính xã Lạc Lâm đến hết nghĩa địa Lạc Viên	1.067
2	-Từ giáp nghĩa địa Lạc Viên đến hết Trường tiểu học Lạc Xuân	1.164
3	-Từ giáp đất Trường tiểu học Lạc Xuân đến đầu cống lở Labuoye	500
4	-Từ cống lở Labuoye đến giáp cống chợ mới Lạc Xuân	693
5	-Từ cống chợ mới Lạc Xuân đến giáp ngã ba nhà ông Trương Dựa	1.000
6	-Từ ngã ba nhà ông Trương Dựa đến giáp ranh giới hành chính thị trấn D'ran	650
I.3.2	**Các đường nối với Quốc lộ 27**	
1	-Từ QL27 đến giáp cầu Châu Sơn	595
2	-Từ cầu Châu Sơn đến giáp đường 412 (Thôn Châu Sơn)	342
3	- Các đường nối với QL 27 vào đến 200m (Thôn Đồng Thạnh, Lạc Viên A,B)	390
4	- Các đường nhánh còn lại nối QL 27 vào 200m	330
5	-Từ giáp đường 412 đi thôn kinh tế mới Châu Sơn đến giáp suối Diom B	200
I.3.3	**Đất có mặt tiếp giáp với đường 412**	
1	-Từ giáp ranh giới hành chính Thị trấn Dran đến cầu Diom B	372
2	-Từ cầu Diom B đến giáp ranh giới hành chính xã Ka Đô	412
I.4	**XÃ KA ĐÔ**	
I.4.1	**Đất có mặt tiếp giáp với huyện lộ 413**	
1	-Từ cầu Ka Đô đến giáp ngã ba đường cụm Công nghiệp Ka Đô đi cầu Quảng Lập	670
2	-Từ giáp ngã ba đường cụm Công nghiệp Ka Đô đi cầu Quảng lập đến ngã 3 nhà Hùng Chài (hết thửa đất số 15 TBD 13)	920
3	-Từ giáp ngã ba nhà ông Hùng chài đến đầu ranh thửa đất 264 TBĐ số 14 (đất nhà ông Hồng Đạt)	1.010
4	- Từ ranh thửa đất 264 TBĐ 14 đến đầu ngã 3 Trường Trung học Ka Đô (hết thửa đất số 229TBĐ số 13)	1.390
5	-Từ ngã 3 Trường Trung học Ka Đô đến giáp ngã tư Quang Yên	1.100

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
6	- Từ ngã tư quang yên đến giáp ranh giới hành chính xã Quảng Lập	920
I.4.2	**Đất có mặt tiếp giáp với huyện lộ 412**	
1	-Từ giáp ranh giới xã Lạc Xuân đến ngã tư dốc lò than	435
2	-Từ ngã tư dốc lò than đến đầu ngã tư Trường Hiệp Đức	830
3	-Từ ngã tư Trường Hiệp Đức đến giáp ngã 3 Đường 413 UBND xã (hết thửa đất 259 TBĐ 14)	1.100
I.4.3	**Đường liên xã (đi Pró, Quảng lập)**	
1	-Từ ngã 4 Trường Hiệp Đức đến giáp ngã 4 Ông Thành	455
2	-Từ ngã 4 Ông Thành đến đầu ngã 3 Ông Gọn	380
3	-Từ ngã 3 Ông Gọn đến giáp nga ba ranh giới hành chính 3 xã	243
4	- Từ ngã ba giáp huyện lộ 413 đến giáp ranh giới xã Quảng Lập (đường cụm công nghiệp)	480
5	- Từ giáp huyện lộ 413 (ngã ba chùa) đến giáp ngã tư ông Thành	485
6	- Từ giáp huyện lộ 413 (Cổng văn hoá nghĩa hiệp 2) đến hết thửa đất 182 TBĐ số 12	450
7	- Từ giáp huyện lộ 412 (ngã tư dốc lò Than) đến giáp ngã tư Ông Thành	485
I.4.4	**Các đường nối với huyện lộ 413**	
1	-Phía đông bắc chợ	1.324
2	-Phía tây nam chợ	1.324
3	-Từ nhà ông Dương Thuấn đến ngã ba nhà bà Giáo Đoán (đường cuối chợ)	960
4	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Nghiệp) đến giáp đất nhà ông Hiệp	190
5	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Sinh) đến giáp sình Thổ Mộ (hết thửa đất số 319 TBĐ số 12)	231
6	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Chính) đến giáp sình Thổ Mộ (hết thửa đất số 86 TBĐ số 12)	237
7	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Khuê) đến giáp nhà ông Khiêm (hết thửa đất số 64TBĐ số12)	237
8	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Chiến) đến giáp ngã ba đất ông Đệ (hết thửa đất số 217 TBĐ số 8)	275
9	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Hùng Chài) đến nhà ông Dấn Tắc Chắn (hết thửa đất số 255 TBĐ số 8)	263
10	- Từ huyện lộ 413(ngã ba nhà ông Đệ) đến giáp đất nhà ông Tuyên (hết thửa đất số 391 TBĐ số 8)	275
11	- Từ huyện lộ 413 (trường Mầm Non) đến ngã ba nhà ông Minh	335
12	-Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Việt Hùng) đến nhà Ông Bảy Hoà	504
13	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Tính Cộng) đến giáp ngã ba nhà ông Diên	640
14	-Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Lê Phu) đến giáp ngã ba nhà ông Đặng Dư	634
15	-Từ huyện lộ 413 (nhà Hùynh Đào) đến giáp ngã ba nhà Ông Hân	612

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
16	- Từ huyện lộ 413 (Thánh Thất Cao Đài) đến ngã ba nhà ông Minh Rượu	198
17	- Từ huyện lộ 413 đến giáp ngã ba nhà ông Tư Khi (hết thửa đất số 154 TBĐ số 19)	330
18	- Từ huyện lộ 413 đến giáp ngã ba nhà ông Diệu	330
19	- Từ huyện lộ 413 đến giáp ngã ba nhà ông Thành 3 Hiệu (hết thửa đất số 273 TBĐ số 19)	330
20	- Từ huyện lộ 413 đến giáp Bến Lội Sáu Khanh (hết thửa đất số 426 TBĐ số 19)	330
21	- Từ huyện lộ 413 đến giáp đất đình Thanh Minh (hết thửa đất số 65 TBĐ số 20)	330
22	- Từ huyện lộ 413 đến ngã tư nhà ông Đính (hết thửa đất số 02 TBĐ số 20)	358
23	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba trường cấp 2) đến ngã tư nhà Sáu Chu (hết thửa đất số 79 TBĐ số 20)	358
I.4.5	**Các đường nối với huyện lộ 412**	
1	- Từ huyện lộ 412 (ngã ba nhà ông Lịch) đến giáp ngã ba Đài Truyền hình Cũ (hết thửa đất số 293 TBĐ số 8)	330
2	- Từ huyện lộ 412 (ngã tư trường Hiệp Đức) đến giáp ngã tư nhà ông Cảnh (hết thửa đất số 385 TBĐ số 7)	425
3	- Từ ngã tư nhà ông Cảnh đến giáp ngã ba nhà ông Hiệp (hết thửa đất số 105 TBĐ số 7)	344
4	- Từ huyện lộ 412 (Ngã ba nhà ông Chúng) đến giáp nhà bà Hồng (hết thửa đất số 309 TBĐ số 14)	198
5	- Từ huyện lộ 412 (ngã ba nhà bà Hương) đến giáp ngã 3 nhà ông Phúc	198
6	- Từ đường 412 đến giáp ngã ba đến hết đất nhà ông Viện	198
7	- Từ huyện lộ 412 (Ngã ba ông Đới) đến ngã 3 nhà bà Ma Đương (hết thửa đất số 165 TBĐ số 15)	198
8	- Từ huyện lộ 412 đến hết đất bà Bình (hết thửa đất số 36 TBĐ số 6)	198
9	- Từ huyện lộ 412 (cổng văn hoá Ka Đô mới 2) đến giáp dốc vào đất bà Bình (hết thửa đất số 45 TBĐ số 6)	198
10	- Từ huyện lộ 412 đến giáp ngã ba nhà bà Ma Khô (hết thửa đất số 736 TBĐ số 15)	198
11	- Từ huyện lộ 412 (cổng văn hoá Taly I) đến giáp huyện lộ 412 (nhà bà Lan)	198
12	- Từ huyện lộ 412 (ngã tư dốc lò than) đến giáp ngã ba thôn Taly 2	198
I.4.6	**Các tuyến đường nông thôn còn lại**	
1	- Từ ngã ba nhà ông Công đến giáp ngã ba nhà bà Khuyến (hết thửa đất số 287 TBĐ số 8)	198
2	-Từ nhà ông Vinh đến nhà bà liên Đài	518
3	- Từ ngã ba đất nhà ông Dư Cao đến giáp đất nhà ông Mười Dũng	242

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
4	- Từ nhà ông Dũng Phở đến ngã ba giáp đất ông Điều	242
5	- Từ ngã ba nhà ông Tài đến giáp ngã ba ông Gọn (hết thửa đất số 324 TBĐ số 18)	242
6	- Từ ngã ba nhà bà Bảy Chiêu đến hết đất ông Trí (hết thửa đất số 417 TBĐ 13)	242
7	- Từ ngã ba nhà ông Tâm Nhiên đến hết đất ông Trung (hết thửa đất số 386 TBĐ số 19)	240
8	- Từ cổng trào văn hóa thôn Ta Ly 2 đến cuối thôn Ta Ly 2 (hết thửa đất số 502 TBĐ số 15)	200
9	- Từ ngã ba dốc lò than đến giáp ngả ba nhà ông Dũng phở (hết thửa đất số 162 TBĐ số 23)	200
I.5	**XÃ QUẢNG LẬP**	
I.5.1	**Đất có mặt tiếp giáp với đường 413**	
1	- Từ giáp ranh giới hành chính xã Ka Đô đến giáp ranh giới đất ông Chiến (Thửa 211 tờ BĐ số 3)	570
2	- Từ giáp ranh đất nhà ông Chiến (Thửa 211 tờ BĐ số 3) đến giáp ngã tư chợ cũ	735
3	- Từ giáp ngã 4 chợ cũ đến giáp ngã 3 hết đất Trạm y tế xã Quảng Lập	1.240
4	- Từ hết đất Trạm xá xã Quảng Lập đến giáp ngã ba đường số 13 (hết ranh đất nhà ông Huỳnh Tấn Cường	730
5	- Từ giáp ngã ba đường số 13 (hết ranh đất nhà ông Huỳnh Tấn Cường đến giáp ngã ba rẽ đi Ka Đơn (đất ông Quảng)	440
6	- Từ ngã 3 rẽ đi Ka Đơn (đất ông Quảng) đến giáp ngã ba ranh giới 3 xã (Q.lập, Pró, KaĐơn)	467
7	- Từ ngã 4 chợ cũ đến đầu ngã 3 Bà Ký	620
8	- Từ đầu ngã 3 Bà Ký đến hết đất ông Ngô Viết Nguyên (hết thửa 62 tờ BĐsố 19)	495
9	- Từ hết đất nhà ông Ngô Viết Nguyên (hết thửa 62 tờ BĐsố 19) đến đối diện ngã ba vào trường Krănggọ	408
10	- Từ đối diện ngã ba vào trường Krănggo đến giáp ngã ba ranh giới 3 xã (Q.lập, Pró, KaĐơn)	467
11	- Từ ngã ba Trạm xá xã Quảng Lập đến hết đất chùa Giác Ngộ	680
12	- Từ hết ranh đất chùa Giác Ngộ đến Ngã ba đường số 8 (Nhà đất ông Hà Dũng)	560
13	- Từ ngã ba đường số 8 (Nhà đất ông Hà Dũng) đến cống ông Oanh	510
14	- Từ cống ông Oanh đến cầu Quảng Lập	585
I.5.2	**Các tuyến đường nối với đường 413**	
1	- Từ giáp huyện lộ 413 (ngã 3 dốc đập) đến giáp huyện lộ 413 (ngã 3 bà Ký)	220

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
2	- Đường số 1:	
	+ Từ giáp huyện lộ 413 (ngã tư chợ cũ) đến giáp huyện lộ 413b (ngã 4 trạm xá xã)	665
	+ Từ huyện lộ 413b (ngã 4 Trạm xá xã) đến giáp ngã 3 (hết ranh đất thửa số 115 tờ BĐ số 9)	391
3	- Đất có mặt tiền tiếp giáp chợ mới xã Quảng Lập (Phía đông, phía tây và phía nam)	880
4	- Từ giáp Huyện lộ 413 (ngã ba của hàng xăng dầu Quảng lập) đến giáp đường số 13	220
5	- Các đường nằm trong khu quy hoạch trung tâm xã tiếp giáp giữa huyện lộ 413 và đường số 1	450
6	- Đường số 2: Từ giáp ngã 3 đường số 13 đến hết ranh đất thửa 65 tờ BĐ số 10	276
7	- Đường số 3: Từ giáp ngã 3 đường số 13 đến hết ranh đất thửa 32 tờ BĐ số 10	276
8	- Đường số 4:	
	+ Từ giáp huyện lộ 413b (ngã tư) đến giáp ngã 4 đường số 11 (hết ranh đất thửa 6 tờ BĐ số 10)	260
	+ Từ giáp huyện lộ 413b (ngã tư) đến giáp ngã 3 đường số 13 (hết ranh đất thửa 1 tờ BĐ số 9)	320
9	- Đường số 5:	
	+ Từ giáp huyện lộ 413b (ngã tư) đến hết ranh đất thửa 474 tờ BĐ số 4	260
	+ Từ giáp huyện lộ 413b (ngã tư) đến giáp ngã 3 đường số 13 (hết ranh đất thửa 8 tờ BĐ số 5)	320
10	- Đường số 6 và đường số 7: Từ giáp huyện lộ số 413b đến giáp ngã 3 đường số 13	260
11	- Đường số 8 và đường số 9: Từ giáp huyện lộ 413b (ngã ba nhà ông Hà Dũng) đến giáp huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Huỳnh Tấn Cường)	312
12	- Đường số 11: Từ giáp ngã tư đường số 1 đến giáp ngã 4 đường số 4 (hết thửa số 6 tờ BĐ số 10)	327
13	- Đường số 13: (từ giáp đường số 1 đến giáp đường số 7)	222
14	-Từ giáp huyện lộ 413b đến giáp ranh giới hành chính xã Ka Đô (Đường cụm Công nghiệp Ka Đô)	480
15	- Từ giáp huyện lộ 413 ngã 3 (ranh giới hành chính xã Q.Lập) đến giáp ngã ba (Ranh giới hành chính 3 xã KaĐô, Pró và Q.Lập)	220
16	- Từ giáp huyện lộ 413 ngã 3 (Cây xăng Thanh Sơn,thửa 585 tờ BĐsố 17) đến giáp huyện lộ 413 (ngã ba đất ông Ngô Viết Nguyên thửa 62 tờ BĐsố 19)	220

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
I.6	**XÃ P'RÓ**	
I.6.1	**Đất có mặt tiếp giáp với đường 413**	
1	- Từ ngã 3 ranh giới hành chính xã Quảng lập đến giáp ngã ba (Giáp ranh đất ông Huỳnh Văn Hưng)	467
2	- Từ giáp ngã ba (Giáp ranh đất ông Huỳnh Văn Hưng) đến giáp ngã ba nhà ông Phạm Tấn Của (Thửa đất số 212, TBĐ 314A)	467
3	- Từ ngã ba nhà ông Phạm Tấn Của (Thửa đất số 212, TBĐ 314A) đến giáp ngã ba nhà ông Ya Lin (Thửa đất số 40, TBĐ 314A)	408
4	- Từ ngã ba nhà ông Ya Lin (Thửa đất số 40, TBĐ 314A) đến giáp nga ba hành chính xã Ka Đơn	467
I.6.2	**Các đường nối với đường 413**	
1	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba ranh giới xã Quảng Lập) đến giáp ngã ba ranh giới ba xã (Pró, QLập, KaĐô)	220
2	- Từ giáp thửa đất số 140 TBĐ số 314b đến giáp ngã ba (dốc bà Đào)	220
3	- Từ huyện lộ 413 (Ngã 4 UBND xã) đến hết đất ông Ya Nho	253
4	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Của) đến giáp ngã ba (hết Trường Tiểu học Pró)	265
5	- Từ huyện lộ 413(ngã ba nhà ông Ya Lin) đến giáp ngã ba (Phân Hiệu Trường Krăng gọ)	242
6	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba Trường cấp 3 Pró) đến giáp ngã ba (hết đất ông TouProng Cường)	242
7	- Từ giáp ngã ba huyện lộ 413 (thửa đất số 31, TBĐ 314A) đến giáp ngã ba hết thửa đất số 66, TBĐ 314A	160
I.6.3	**Khu trung tâm xã**	
1	- Các đường trong khu trung tâm có mặt tiếp giáp đường quy hoạch	261
I.6.4	**Các tuyến đường nông thôn**	
1	- Từ ngã ba ranh giới hành chính 3 xã (Pró, QLập, KaĐô) đến giáp ngã ba nhà ông Đinh Tấn Thảo.	165
2	- Từ ngã ba nhà ông Đinh Tấn Thảo đến giáp ngã ba dốc Ông Đào	198
3	- Từ ngã ba (Số nhà 114 nhà ông Nhịn) đến giáp ngã ba nhà đất ông Phiếu (đi vòng đập Tám Muống)	165
4	- Từ giáp hết đất ông Ya Nho đến giáp ngã ba Trường Tiểu Học Pró	165
5	- Từ ngã ba trường Tiểu Học Pró đến giáp ngã ba phân hiệu trường Krăng gọ	165
6	- Từ phân hiệu trường Krăng gọ đến giáp ngã ba nhà ông TouProng Cường	165
7	- Từ giáp ngã ba nhà ông TouProng Cường đến giáp ngã ba ranh giới 2 xã (Pró - Ka Đơn)	165
8	- Từ dốc bà đào đến hết ngã ba đồi Cù	150

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
9	- Từ giáp ngã ba nhà ông Đinh Tấn Thảo đến giáp ngã ba trạm (nhà ông Mông Văn Minh)	165
10	- Từ giáp ngã ba nhà ông Quảng đến giáp ngã ba nhà ông Huỳnh	200
I.7	**XÃ KA ĐƠN**	
I.7.1	**Đất có mặt tiếp giáp với đường 413**	
1	- Từ ngã 3 rẽ đi Ka Đơn (đất ông Quảng) đến ngã ba ranh giới 3 xã (Q.lập, Pró, KaĐơn)	467
2	- Từ ngã ba ranh giới 3 xã (Q.lập, Pró, KaĐơn) đến giáp ngã ba hết ranh giới hành chính xã Pró	467
3	-Từ ngã ba hết ranh giới hành chính xã Pró đến hết ranh thửa 709 tờ BĐ 313A	405
	- Từ hết ranh thửa 709 tờ BĐ 313A đến ngã ba đi thôn Hoà lạc	445
4	- Từ ngã ba đi Hoà lạc đến đầu cầu KaĐơn	405
5	- Từ cầu KaĐơn đến hết nhà đất ông Lâm Vũ Hà (Thôn Karái 2)	473
6	- Từ hết nhà đất ông Lâm Vũ Hà (Thôn Karái 2) đến hết đất Chùa Giác Châu	313
7	- Từ hết đất chùa giác châu đến đầu ngã ba vào thôn Sao Mai (nhà ông Bùi Châu)	191
8	-Từ ngã ba vào thôn Sao Mai (nhà ông Bùi Châu) đến giáp ranh giới hành chính xã Tu Tra	318
I.7.2	**Các đường nối với huyện lộ 413**	
1	- Từ huyện lộ 413 (ngã 3 rẽ đi Ka Đơn đất ông Quảng) đến giáp ngã 3 huyện lộ 413 (nhà ông Hào)	170
2	- Từ huyện lộ 413 (ngã 3 đối diện Trường Mầm non) đến ngã ba (hết thửa 383 tờ BĐ 313a)	215
3	- Từ huyện lộ 413 (ngã 3 Trường Mầm non) đến hết thửa 118 tờ BĐ 289e	187
4	- Từ huyện lộ 413 (ngã 3 nhà bà Cúc) đến ngã ba (giáp thửa 405 tờ BĐ 313a)	288
5	- Từ huyện lộ 413 (ngã 3 nhà ông Thành) đến ngã ba (hết thửa 245 tờ BĐ 289e)	187
6	-Từ huyện lộ 413 (ngã 3 nhà ông Khi) đến giáp ngã 3 (hết thửa 521 tờ BĐ 336b)	187
7	-Từ huyện lộ 413 (ngã 3 đi Hoà lạc) đến giáp sông Đa Nhim	165
8	-Từ huyện lộ 413 (ngã 3 vào thôn Sao Mai nhà ông Bùi Châu) đến giáp ngã ba đường đi thôn Ka Đơn	181
I.7.3	**Khu Trung tâm xã**	
1	-Khu trung tâm xã có một mặt tiếp giáp đường qui hoạch	425
2	-Từ hết thửa đất số 495 tờ bản đồ số 336c (đất bà Thu) đến giáp đường quy hoạch (thửa đất số 450 tờ bản đồ 336c)	200
3	- Từ hết đường quy hoạch (nhà ông Hoan) đến ngã ba đường vào ka đơn (giáp thửa đất số 151 tờ bản đồ số 336c đất nhà bà Vân)	200

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
4	- Từ ngã ba đường vào ka đơn (thửa đất số 151 tờ bản đồ số 336c đất nhà bà Vân) đến hết thửa đất số 950 tờ bản đồ 335g	180
I.8	**XÃ TU TRA**	
I.8.1	**Đất có mặt tiếp giáp với đường 413**	
1	-Từ giáp ranh giới Ka Đơn đến đầu cầu ông Quý	292
2	-Từ cầu ông Quý đến giáp đất nhà thờ Tu Tra	416
3	-Từ đất nhà thờ Tu Tra đến giáp cây xăng Lạc Thạnh	505
4	-Từ cây xăng Lạc Thạnh đến hết khu qui hoạch trung tâm xã	610
5	-Từ hết khu qui hoạch Trung tâm xã đến ngã 4 đường vào thôn MaĐanh (nhà ông Sáu)	335
6	-Từ Cây xăng Lạc Thạnh đến giáp đất trụ sở Công ty CP sữa Đà Lạt	292
7	-Từ đất trụ sở Công ty CP sữa Đà Lạt đến giáp cầu Nông trường bò sữa	373
I.8.2	**Khu Trung tâm xã**	
1	- Các đường qui hoạch trong khu Trung tâm xã	380
I.8.3	**Các đường nối với huyện lộ 413**	
1	- Từ huyện lộ 413 (ngã 3 Sao Mai) đến cầu ông Thiều	273
2	-Từ huyện lộ 413 (ngã 3 cầu ông Quý) đến giáp ngã ba cầu bà Trí (Thôn STC 2)	180
3	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba bà Khánh) đến giáp ngã ba (nhà đất ông Nguyễn Thạch)	180
4	-Từ huyện lộ 413 (ngã 4 thôn Lạc Trường) đến hết nhà đất ông Lê Diên	176
5	-Từ huyện lộ 413 (ngã 4 Lạc trường) đến giáp ngã ba ông Niệm	170
6	-Từ huyện lộ 413 (ngã ba tập đoàn 1 Thôn Suối Thông C) đến ngã ba cầu bà Trí	181
7	-Từ huyện lộ 413 (ngã ba cầu Nông trường bò sữa) đến ngã 4 (Trường Tiểu học Kămbute)	181
8	- Từ Huyện lộ 413 (ngã ba cầu Nông Trường) đến giáp ngã ba nhà đất ông Phụng	198
9	-Từ giáp huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Sáu) đến hết thửa đất số 83 TBĐ 41 (đất nhà bà Ma Ten thôn Ma Đanh)	165
10	-Từ giáp huyện lộ 413 (ngã ba công ty APOLLO) đến giáp ngã ba trụ sở 2 công ty sữa Đà Lạt	276
I.8.4	**Các tuyến đường nông thôn**	
1	- Từ ngã ba cầu bà Trí đến giáp ngã ba (nhà đất ông Phạm Hữu Thạnh)	291
2	-Từ giáp khu qui hoạch Trung tâm xã đến ngã 3 đi R'Lơm, Ma Đanh	176
3	-Từ ngã ba đường vào thôn Ma Đanh (nhà ông Sáu) đến giáp ngã 4 (Trường Tiểu học Kămbute)	229

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
4	-Từ ngã tư Trường Tiểu học Kămbute đến giáp ngã ba đường vào Công ty cổ phần Thắng Đạt	165
2	-Từ giáp ngã ba đi R'lơm, Ma Đanh (nhà ông Thanh) đến hết thửa đất số 65 TBĐ số 37 (đất nhà ông Ya Minh thôn Ka Lót)	165
3	-Từ giáp ngã ba đi R'lơm, Ma Đanh (nhà ông Thanh) đến hết thửa đất số 160 TBĐ số 33 (đất nhà bà Ma Will thôn Ma Đanh)	165
II	**KHU VỰC II:** Đất không thuộc khu vực I nêu trên, tiếp giáp với trục giao thông trong thôn, liên thôn có bề mặt đường rộng trên 3m.	
1	Xã Đạ Ròn	178
2	Xã Lạc Lâm	240
3	Xã Lạc Xuân:	
	-Phía bắc sông Đa Nhim	222
	-Phía nam sông Đa Nhim	152
4	Xã Ka Đô	182
5	Xã Quảng Lập	182
6	Xã P'Ró	151
7	Xã Ka Đơn	152
8	Xã Tu Tra	157
III	**KHU VỰC III:** Là những vị trí còn lại trên địa bàn xã.	
1	Xã Đạ Ròn	132
2	Xã Lạc Lâm	151
3	Xã Lạc Xuân:	
	-Phía bắc sông Đa Nhim	152
	-Phía nam sông Đa Nhim	120
4	Xã Ka Đô	126
	- Khu vực Thôn Ya Hoa thuộc xã Kađô	40
5	Xã Quảng Lập	126
6	Xã P'Ró	74
	- Khu vực Thôn Ú Tờ Lâm thuộc xã Pró	40
7	Xã Ka Đơn	74
8	Xã Tu Tra	74

III. ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP (không phải là đất ở):

Thực hiện theo Quy định tại Điều 10 và Điều 11, Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 47/2012/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về ban hành quy định về nguyên tắc, phương pháp xác định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

IV. ĐẤT NÔNG NGHIỆP:

1. Giá đất trồng cây hàng năm, cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản.

Được xác định theo 3 khu vực và 3 vị trí như sau:

- Khu vực I: Gồm các thị trấn.

- Khu vực II: Là các xã không thuộc danh mục đặc biệt khó khăn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Khu vực III: Là các xã đặc biệt khó khăn (bao gồm cả các thôn đặc biệt khó khăn) đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Vị trí 1: Là những vị trí mà khoảng cách gần nhất từ thửa đất (lô đất) đến mép lộ giới của Quốc lộ, đường liên huyện và đường liên xã trong phạm vi đến 500m.
- Vị trí 2: Là những vị trí mà khoảng cách gần nhất từ thửa đất (lô đất) đến mép lộ giới của Quốc lộ, đường liên huyện và đường liên xã trong phạm vi từ trên 500m đến 1.000m.
- Vị trí 3: Là những vị trí còn lại.

Khoảng cách để xác định vị trí thửa đất (lô đất) được xác định theo đường đi, lối đi vào đến thửa đất (lô đất).

a) Giá đất trồng cây hàng năm, cây lâu năm.

Đơn vị tính: nghìn đồng/m2

STT	KHU VỰC	Đơn giá		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Khu vực I	45	35	20
2	Khu vực II	30	25	15
3	Khu vực III	25	20	11

Giá đất trồng cây hàng năm và cây lâu năm khu vực thôn Ya Hoa và thôn Ú Tờ Lâm nằm trong ranh giới hành chính xã Ka Đô và xã Pró giá 8 nghìn đồng/m^2.

b) Đất nuôi trồng thủy sản

Đơn vị tính: nghìn đồng/m2

STT	KHU VỰC	Đơn giá		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Khu vực I	35	28	18
2	Khu vực II	25	22	13
3	Khu vực III	18	15	9

2. Giá đất nông nghiệp trong các trường hợp sau đây được nhân hệ số 1,5 lần mức giá đất trồng cây lâu năm của vị trí 1 cùng khu vực:

- Đất vườn, ao cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được công nhận là đất ở thuộc địa bàn các xã.

- Đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư nông thôn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét duyệt. Trường hợp đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư nông thôn chưa có quy hoạch được xét duyệt thì xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của khu dân cư.

3. Giá đất nông nghiệp trong các trường hợp sau đây được nhân hệ số 02 lần mức giá đất trồng cây lâu năm của vị trí 1 cùng khu vực:

- Đất vườn, ao cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được công nhận là đất ở thuộc địa bàn các thị trấn.

- Đất nông nghiệp nằm trong phạm vi địa giới thị trấn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét duyệt. Trường hợp đất nông nghiệp nằm trong phạm vi địa giới thị trấn chưa có quy hoạch được xét duyệt thì xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của khu dân cư.

4. Đất rừng sản xuất:

Đơn vị tính: nghìn đồng/m2

STT	Vị trí	Đơn giá
1	Vị trí 1: là những diện tích đất có mặt tiếp giáp với Quốc lộ, tỉnh lộ	10
2	Vị trí 2: là những diện tích đất có mặt tiếp giáp với đường liên huyện, liên xã	9
3	Vị trí 3: là những vị trí còn lại	6

5. Đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng và đất rừng cảnh quan:

a) Đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng: tính bằng 90% giá đất rừng sản xuất có cùng vị trí.

b) Đất rừng cảnh quan: tính bằng 110% giá đất rừng sản xuất có cùng vị trí.

6. Giá đất đối với các loại đất nông nghiệp khác theo quy định tại Điểm đ Khoản 4 Điều 6 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP:

Đất nông nghiệp khác là đất tại nông thôn sử dụng để xây dựng: Nhà kính và các loại nhà khác phục vụ mục đích trồng trọt kể cả các hình thức trồng trọt không trực tiếp trên đất; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm và các loại động vật khác được pháp luật cho phép, xây dựng trạm, trại nghiên cứu thí nghiệm nông nghiệp, lâm nghiệp, làm muối, thủy sản, xây dựng cơ sở ươm tạo cây giống, con giống; xây dựng kho, nhà của hộ gia đình, cá nhân để chứa nông sản, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, máy móc, công cụ sản xuất nông nghiệp. Giá đất được xác định theo giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm cùng vị trí, cùng khu vực.

Trường hợp đất nông nghiệp khác nêu trên nằm trong phạm vi khu dân cư nông thôn, hoặc trước khi chuyển mục đích sang đất nông nghiệp khác thì diện tích này được xác định là đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở, thì giá đất được xác định bằng 1,5 lần giá đất trồng cây lâu năm ở vị trí 1 cùng vùng, cùng khu vực.

V. ĐỐI VỚI NHÓM ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG:

1. Đối với các loại đất chưa xác định mục đích sử dụng (bao gồm: Đất chưa sử dụng, núi đá không có rừng cây): Căn cứ vào giá các loại đất liền kề, có cùng vị trí, cùng khu vực đã được xác định mục đích sử dụng và thực tế của thửa đất (lô đất) để xác định giá cho phù hợp.

2. Đối với đất chưa sử dụng được cấp có thẩm quyền cho phép đưa vào sử dụng: Đối với đất chưa sử dụng được cấp có thẩm quyền cho phép đưa vào sử dụng, thì căn cứ vào giá đất cùng loại, cùng mục đích sử dụng để xác định giá./-

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Tiến